

Bản án số: 126/2022/DS-PT

Ngày: 14 - 10 - 2022

V/v tranh chấp về quyền sở hữu tài
sản(quyền sử dụng đất)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Thanh Chín.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quân và ông Võ Việt Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Phú, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2020/TLPT-DS, ngày 18 tháng 8 năm 2020, về việc “Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản (quyền sử dụng đất)”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2021; Thông báo tiếp tục phiên tòa xét xử phúc thẩm số 78/TABT-DS ngày 07/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Tú A, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Khu phố 14, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Tổ 6, Khu phố 01, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: à Dương Thị Thùy Tr, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn 3, xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Công M, sinh năm

1973;

Địa chỉ: Số 28/1B, Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị Tú A, là nguyên đơn trong vụ án.

- Các đương sự khác không kháng cáo.

Có mặt: Bà Huỳnh Thị Tú A;

Vắng mặt các đương sự khác.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Tú A trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Thị B là bạn bè thân thiết với nhau tại thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Năm 2003, bà Nguyễn Thị B chuyển về xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình sinh sống nên bạn bè hay đến đây chơi. Vào năm 2004, bà Nguyễn Thị B mới rủ hội bạn cùng chơi gồm nguyên đơn, bà Bạch, Bùi Thị Mai, Lê Thị Quý Ngọc và Huỳnh Ái Mai, mỗi người 01 phần, riêng bà Bạch là 03 phần (tổng cộng 07 phần) cùng góp tiền để sang nhượng lại miếng đất của ông Ngô Ngọc Tỉnh có diện tích 08 sào (không đo đạc, chỉ ước lượng), tọa lạc tại thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình (nay là thôn Hồng Hải, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình) với giá 56.000.000đồng. Sau khi bàn bạc xong, cả nhóm thống nhất để bà Bạch là người đứng tên sang nhượng đất với ông Ngô Ngọc Tỉnh vì là người đang sinh sống tại đây.

Cũng trong năm 2004, bà Bạch hoàn lại phần hùn cho Lê Thị Ngọc Quý, Huỳnh Ái Mai, mỗi người 20.000.000đồng. Lúc này bà Bạch có 05 phần, nguyên đơn có 01 phần và bà Bùi Thị Mai 01 phần. Do bà Bạch có nhiều phần hơn nên đã thống nhất để bà Bạch đứng tên làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào năm 2012, bà Nguyễn Thị B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 173791 với diện tích 9.308,3m², đất thuộc thửa số 01 ở bản đồ số 23/2012 tọa lạc tại thôn Hồng Hải, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình. Sau khi có sổ, bà Bạch đã phô tô sổ giao cho mỗi người có phần hùn giữ sổ phô tô còn bà Bạch giữ sổ chính.

Năm 2017, bà Bạch thỏa thuận và đã hoàn lại cho bà Bùi Thị Mai số tiền 60.000.000đồng. Đối với phần của nguyên đơn, nguyên đơn nhiều lần đề nghị tách phần của nguyên đơn ra nhưng bà Bạch đề nghị sẽ hoàn lại tiền cho phần của nguyên đơn. Do giữa hai bên không thống nhất giá nên nguyên đơn vẫn tiếp tục yêu cầu bà Bạch phải tách phần đất của nguyên đơn và làm thủ tục sang tên cho nguyên đơn nhưng bà Bạch không đồng ý nên xảy ra tranh chấp.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị B phải trả lại diện tích 1.329,8m² đất trong tổng số diện tích 9.308,3m² đất thuộc

thửa số 01, tờ bản đồ số 23/2012, tọa lạc tại thôn Hồng Hải, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn Nguyễn Thị B trình bày: Bà thừa nhận nguyên đơn có góp tiền (1/7 phần) để sang nhượng chung miếng đất có tổng diện tích là 8.000m², diện tích đất này được thể hiện tại giấy sang nhượng giữa bà Bạch với ông Ngô Ngọc Tỉnh. Sau khi sang nhượng đất từ ông Tỉnh, bà Bạch đã quản lý đất và khai phá thêm bờ ranh. Năm 2012, bà đã làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi tiến hành đo đạc thì diện tích được cấp là 9.308,3m² (bao gồm phần diện tích mà bà đã phát thêm ranh) thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 23/2012, tọa lạc tại thôn Hồng Hải, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận (trước đây là thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng). Sau đó, bà đã trả lại phần của nguyên đơn bằng tiền nhưng không có giấy tờ gì lưu lại vì là bạn bè tin tưởng với nhau. Nay, nguyên đơn yêu cầu bà trả lại phần tài sản chung này thì bà đồng ý vì không có chứng cứ chứng minh đã trả lại phần của nguyên đơn. Tuy nhiên, do diện tích đất này bà đã sang nhượng lại cho ông Nguyễn Công Minh vào năm 2017 với giá 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng) và đã được chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Công Minh nên bà sẽ trả lại cho nguyên đơn giá trị của 1/7 diện tích 8.000m² đất với giá tương ứng là 42.000.000đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Tại Bản án sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Tuyên xử:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116, Điều 117, Điều 133, Điều 209, Điều 219; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Tú A về việc “Yêu cầu chia tài sản chung”.

Buộc bị đơn Nguyễn Thị B phải trả lại giá trị của diện tích 1.329,8m² đất tại thôn Hồng Hải, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận cho nguyên đơn Huỳnh Thị Tú A tương ứng với số tiền **1.259.586.400 đồng** (Một tỷ hai trăm năm mươi chín triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải nộp **49.787.592 đồng** (Bốn mươi chín triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Huỳnh Thị Tú A số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015672 ngày 29/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

Bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/5/2020 bà Huỳnh Thị Tú A kháng cáo, ngày 29/9/2020 và ngày 01/02/2021 kháng cáo bổ sung. Nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết các vấn đề sau đây:

- Chia diện tích 1.329,8m² (1/7 của diện tích đất 9.308,3m²) bằng hiện vật đất vì diện tích này đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi xét xử sơ thẩm bà Bạch đã tẩu tán hết nhà và đất của bà là bán đất, bán nhà ở cho người khác nay bà Bạch không còn tài sản gì;

- Không chấp nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm trích 20% công sức giữ gìn lô đất cho bà Nguyễn Thị B; đề nghị đưa những người con của bà Bạch tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

- Hủy một phần hợp đồng mua bán đất do bà Bạch lừa dối ông Minh cho rằng toàn bộ diện tích đất là của bà Bạch.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, kháng cáo bổ sung.

Bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định; nguyên đơn chấp hành pháp luật; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp nên xác định người chịu án phí chưa đúng quy định của pháp luật; không quyết định đương sự nào phải chi phí thẩm định giá mà nhận định bị đơn phải chịu cả chi phí xem xét, thẩm định tài sản và thẩm định giá, chưa thu thập chứng cứ về việc ông Nguyễn Công Minh trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đã tách thửa đất và chuyển nhượng hết diện tích đất cho người khác, áp dụng pháp luật về người thứ ba ngay tình chưa đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chưa toàn diện, triệt để về nội dung, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất mà nguyên đơn và bị đơn có quyền sử dụng chung; địa chỉ đất tại huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

[3] Về nội dung đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, kháng cáo bổ sung, yêu cầu bị đơn phải chia tài sản chung là diện tích 1.329,7m² đất trong tổng số diện tích 9.308,3m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 01 tờ bản đồ số 23/2012, tọa lạc tại thôn Hồng Hải, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Về nguồn gốc và diện tích đất là tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận đất sang nhượng của ông Ngô Ngọc Tỉnh vào năm 2004 là tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn, trong đó nguyên đơn có 1/7 diện tích, bị đơn có 6/7 diện tích đất. Tại thời điểm sang nhượng đất từ ông Ngô Ngọc Tỉnh thì đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Nguyễn Thị B đăng ký kê khai, Ủy ban nhân dân huyện Bắc Bình đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 173791 ngày 02/11/2012 đứng tên bà Nguyễn Thị B là thửa đất số 01 tờ bản đồ số 23/2012, diện tích 9.308,3m² tọa lạc tại thôn Hồng Hải, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị đơn đã phô tô giao cho nguyên đơn 01 bản. Diện tích đất được thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 9.308,3m², đất trồng cây lâu năm, trong đó phần của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tú A là diện tích 1.329,8m², phần của bị đơn bà Nguyễn Thị B là diện tích 7.978,5m².

[3.2] Xét yêu cầu và kháng cáo của nguyên đơn về chia đất bằng hiện vật: Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 23/2012, tọa lạc tại thôn Hồng Hải (trước đó là thôn Hồng Chính), xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận có diện tích 9.308,3m², trong đó phần của nguyên đơn là diện tích 1.329,8m², phần của bị đơn là diện tích 7.978,5m² nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chia tài sản chung là có căn cứ pháp luật.

Tuy nhiên, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguyên đơn biết quyền sử dụng đất là tài sản chung đứng tên bị đơn nhưng nguyên đơn

không xác lập quyền sử dụng đất hợp pháp của mình với Nhà nước hoặc với bị đơn và cũng không tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất.

Ngày 08/11/2017 bà Nguyễn Thị B chuyển nhượng cho ông Nguyễn Công Minh. Tại thời điểm chuyển nhượng đất này ông Nguyễn Công Minh không biết đất nhận chuyển nhượng là tài sản chung của bà Nguyễn Thị B với người khác, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất này là hợp pháp.

Đến ngày 29/3/2018 bà Huỳnh Thị Tú A mới khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình. Ngày 29/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình thụ lý vụ án. Từ ngày 28/5/2018 đến ngày 21/5/2020 ông Nguyễn Công Minh tách diện tích 9.308,3m² thành 6 thửa đất và chuyển nhượng cho 6 người khác theo Văn bản số 807/CNVPĐKĐĐBB-TH ngày 30/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Bắc Bình.

Bà Nguyễn Thị B biết rõ đây là tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn nhưng chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho ông Nguyễn Công Minh mà không thông báo và không được sự đồng ý của nguyên đơn nên bà Nguyễn Thị B phải hoàn trả đầy đủ giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường đã thẩm định cho bà Huỳnh Thị Tú A là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

[3.3] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “... bà Nguyễn Thị B cũng có công sức trong việc trực tiếp quản lý, sử dụng, đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bảo quản khối tài sản chung để làm tăng giá trị đất. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của bị đơn, nên sẽ tính công sức đóng góp của bị đơn tương ứng với 20% giá trị đất mà bị đơn sẽ phải hoàn lại cho nguyên đơn”. Nhận định như trên là không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Huỳnh Thị Tú A, bởi lẽ: Toàn bộ diện tích đất từ khi các bên mua đất chung đến khi tranh chấp là do bà Nguyễn Thị B quản lý, sử dụng và khai thác hoa lợi, lợi tức trên đất. Bị đơn không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu công sức trong việc trực tiếp quản lý, sử dụng, đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có căn cứ để xem xét, giải quyết. Diện tích đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tăng so với khi mua đất thì các bên đều sở hữu chung đều hưởng lợi theo phần.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án phần này, buộc bà Nguyễn Thị B phải hoàn trả giá trị quyền sử dụng diện tích 1.329,8m² đất cho bà Huỳnh Thị Tú A tương ứng với số tiền 1.574.483.000đồng. Đồng thời sửa phần án phí dân sự sơ thẩm mà bị đơn phải chịu.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của bà Huỳnh Thị Tú A được chấp nhận một phần, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận không chấp nhận.

[4] Các nội dung kháng cáo khác của nguyên đơn Huỳnh Thị Tú A không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, không có căn cứ pháp luật nên không chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Người kháng cáo không chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 3 Điều 296, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị Tú A.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 116, Điều 117, Điều 133, Điều 209, Điều 219; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Tú A về việc “ Tranh chấp quyền sở hữu tài sản (quyền sử dụng đất) ”.

Buộc bị đơn Nguyễn Thị B phải trả lại giá trị của diện tích 1.329,8m² đất tại thôn Hồng Hải, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận cho nguyên đơn Huỳnh Thị Tú A tương ứng với số tiền 1.574.483.000đồng (*Một tỷ năm trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải nộp 59.234.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Huỳnh Thị Tú A số tiền 2.500.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0015672 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

Căn cứ vào Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.Về án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Tú A không chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Tú A 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006398 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

4.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 14/10/2022).

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Bắc Bình;
- Chi cục THADS huyện Bắc Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: DS, Tổ HCTP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Chín